CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG

Ngày 30/09/2025	65,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.3%	**1.2%**	**-1.2%**

DT thuần
Q3/25
1,301
tỷ VNĐ
QoQ: ▼474| -26.7%
YoY: ▲ 624| 92.2%

LN thuần
Q3/25
90.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼31.0| -25.6%
YoY: ▲ 43.9| 95.3%

LN sau thuế
Q3/25
72.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.8| -24.0%
YoY: ▲ 35.0| 94.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
14.3%
YoY: +/-▲ 2.1%

ROE (TTM)
Q3/25
14.6%
YoY: +/-▲ 2.0%

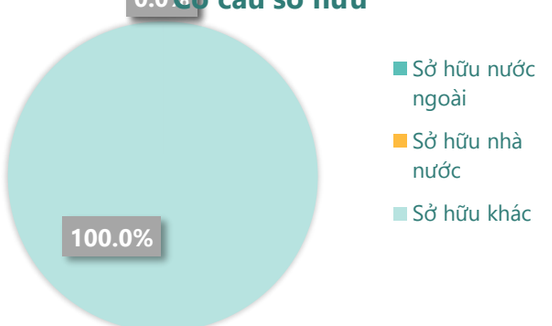
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	60,700 - 81,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,576
Số lượng CPLH (CP)	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	122,585
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	2,432
P/E	27.0

DT thuần
9T 2025
3,339
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,943| 139%

LN thuần
9T 2025
224
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 78.0| 52.8%

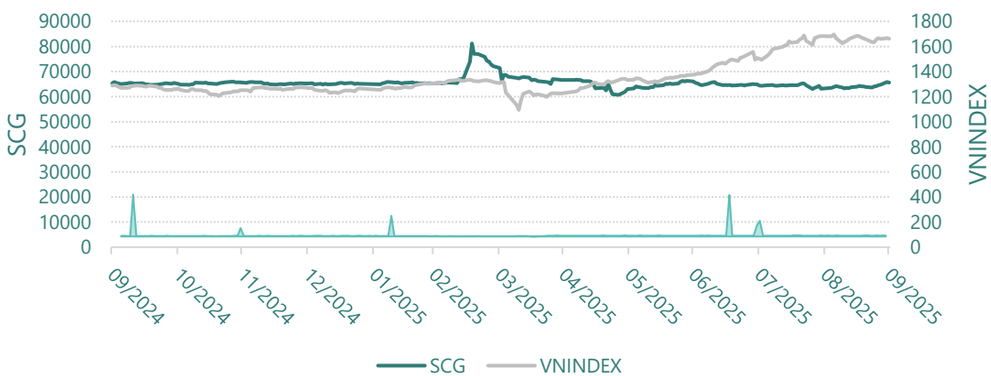
LN sau thuế
9T 2025
178
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.0| 37.9%

Cơ cấu sở hữu

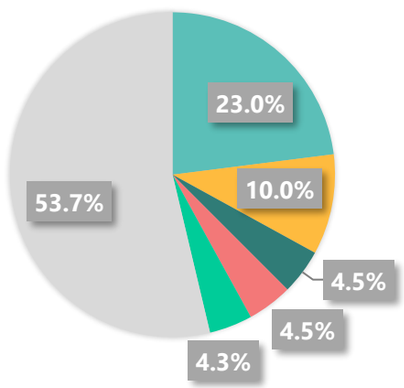


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



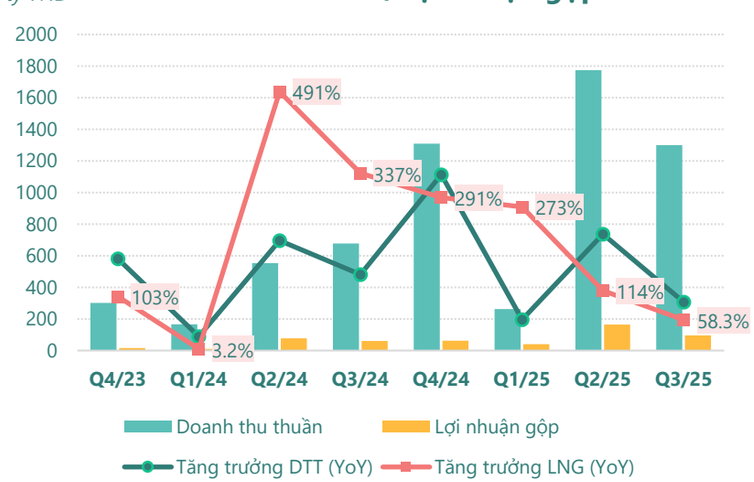
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

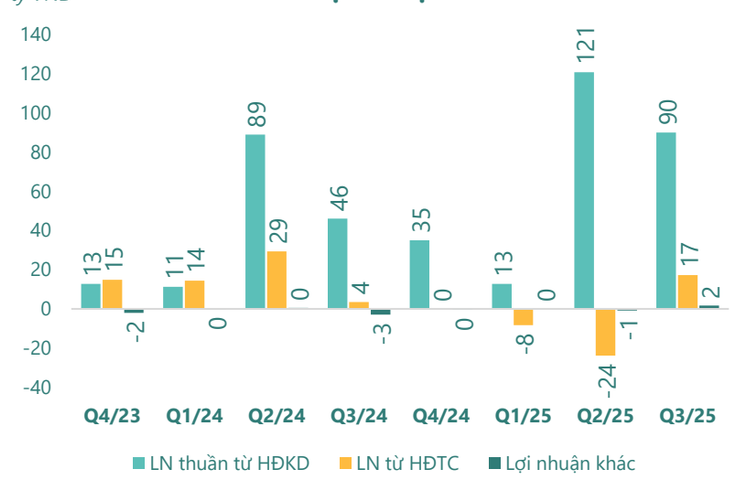
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



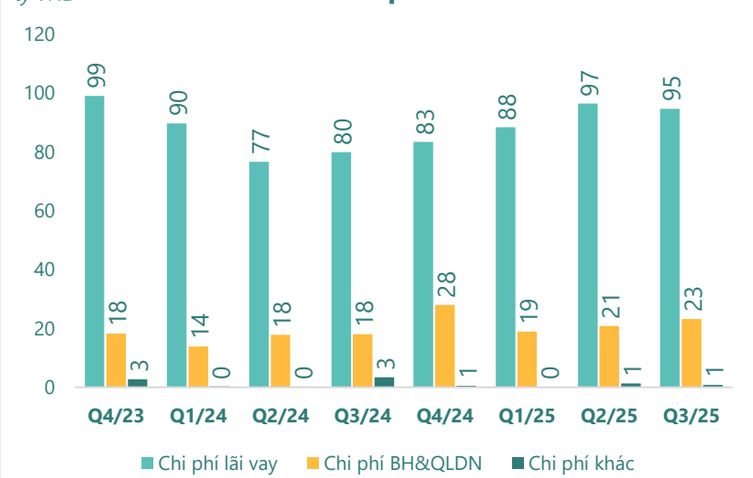
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



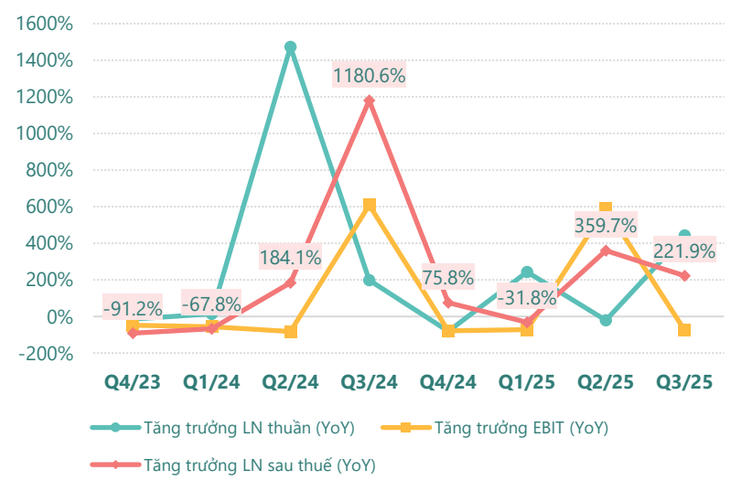
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



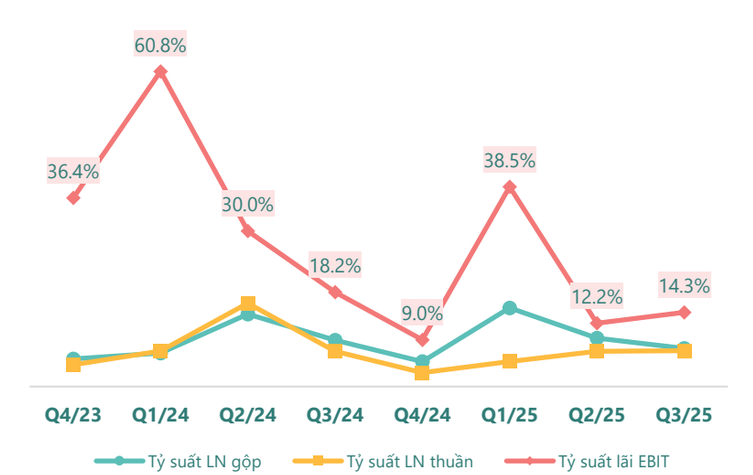
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



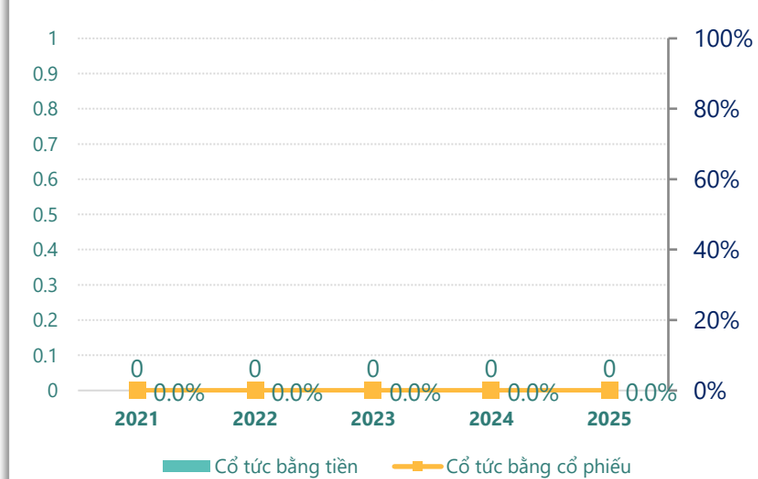
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

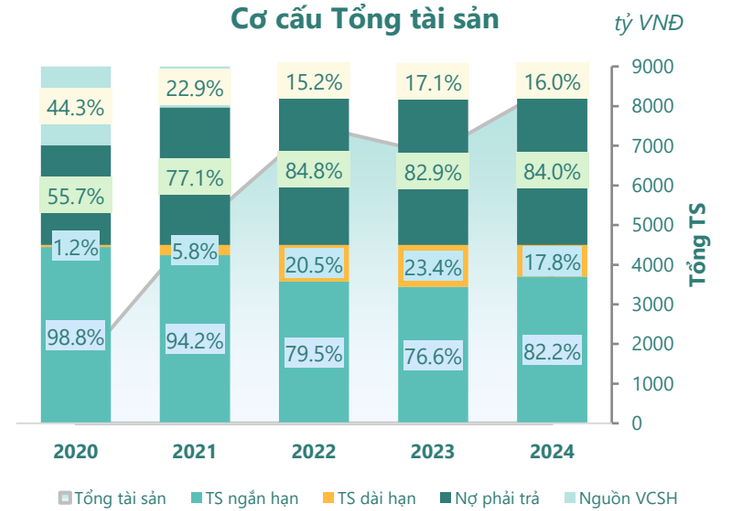
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

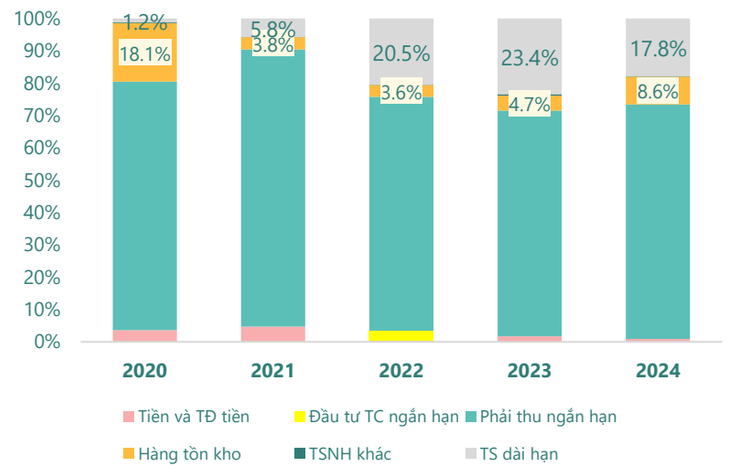
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



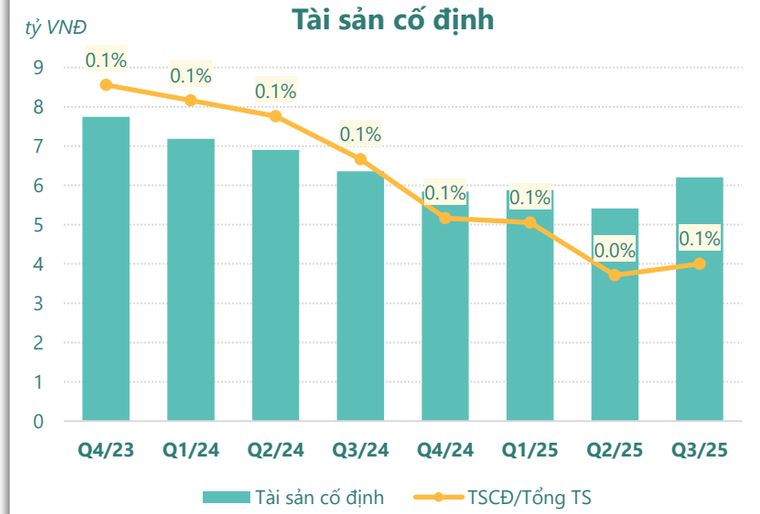
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



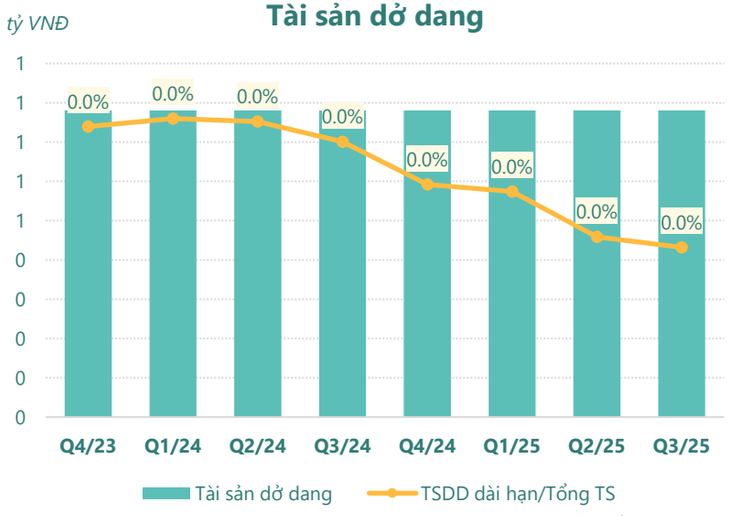
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



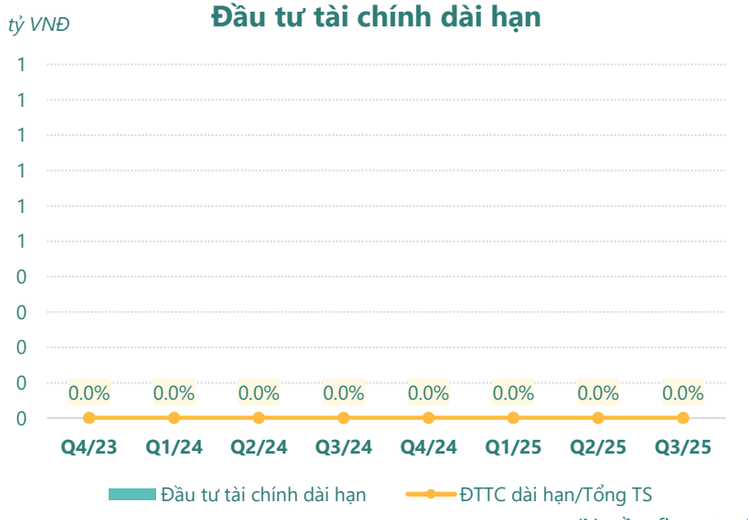
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



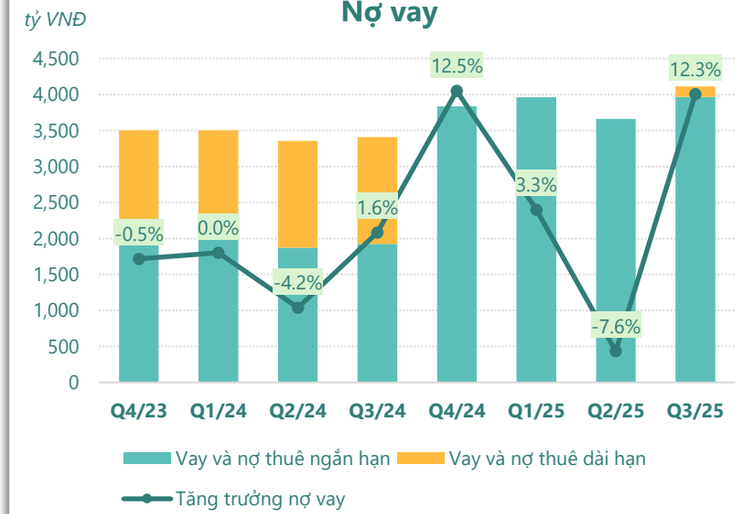
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

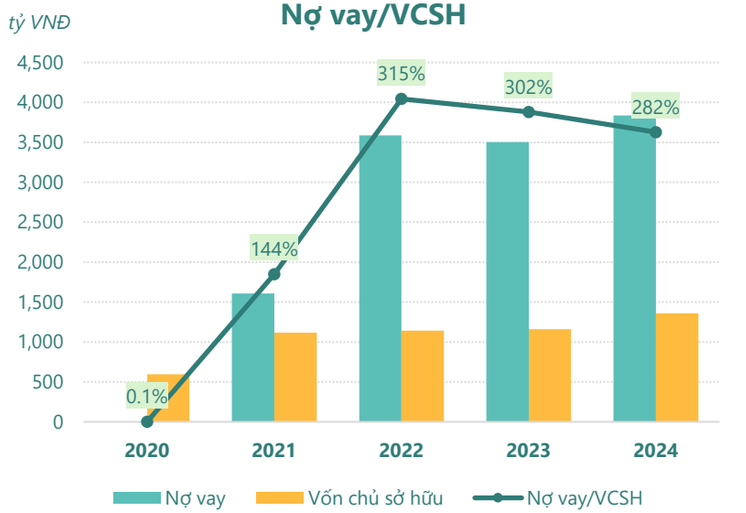
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

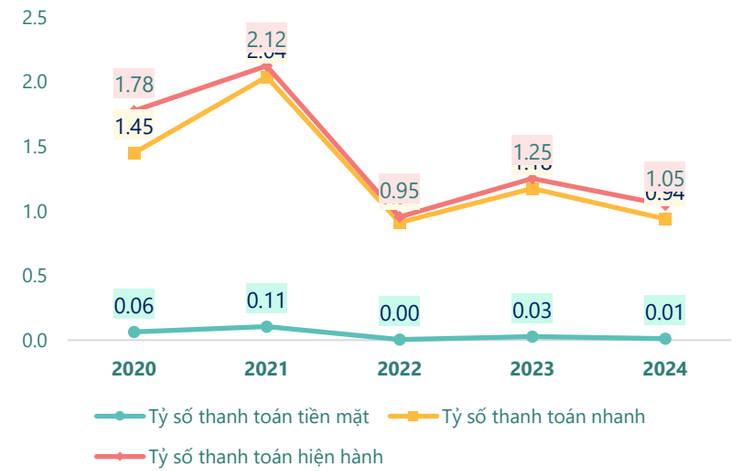
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



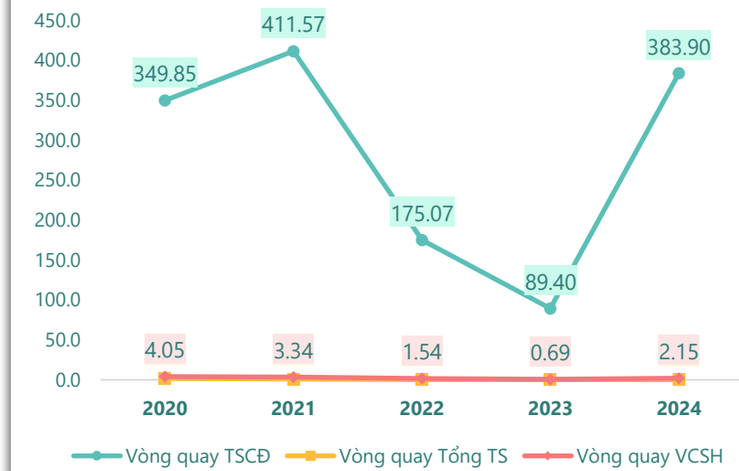
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



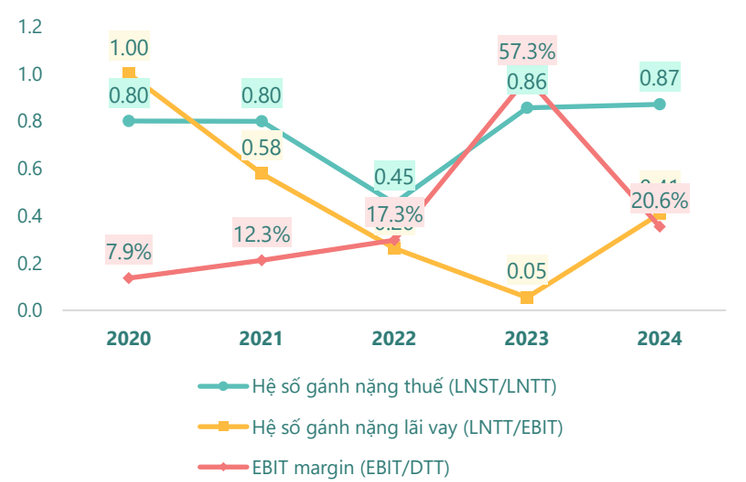
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



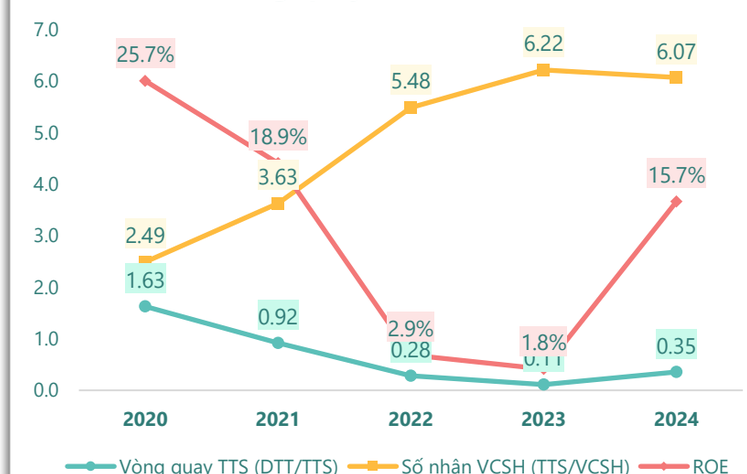
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



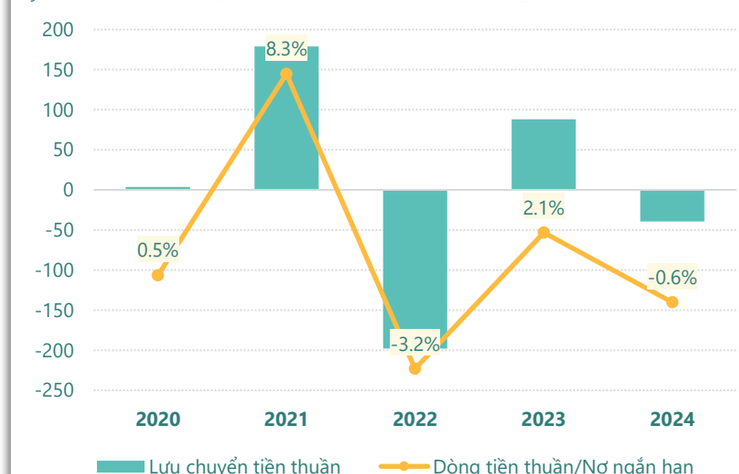
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,301**	**677**	**92.2%**	**3,339**	**1,396**	**139%**
Giá vốn hàng bán	1,205	617	95.3%	3,038	1,247	144%
Lợi nhuận gộp	95.9	60.6	58.3%	301	149	103%
Doanh thu HĐTC	113	84.3	33.8%	267	296	-9.7%
Chi phí TC	95.5	80.8	18.2%	282	249	13.4%
Chi phí lãi vay	94.7	80.0	18.4%	280	246	13.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí QLDN	**23.2**	**18.1**	**28.3%**	**63.0**	**49.7**	**26.7%**
LN thuần từ HĐKD	90.0	46.1	95.3%	224	146	52.8%
Lợi nhuận khác	**1.67**	**-2.89**	**158%**	**1.11**	**-2.67**	**142%**
LN trước thuế	91.7	43.2	112%	225	144	56.4%
Lợi nhuận sau thuế	**72.1**	**37.1**	**94.4%**	**178**	**129**	**37.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**72.3**	**37.1**	**94.9%**	**178**	**129**	**38.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-42.4	190	-489	-386	1,985	-598
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	185	-268	86.2	328	-1,783	107
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-149	52.6	426	128	-301	449
Tiền đầu kỳ	86.1	80.1	54.2	78.1	148	48.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.01**	**-26.0**	**23.9**	**69.8**	**-99.0**	**-42.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	80.1	54.2	78.1	148	48.8	6.41

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,613**	**8,502**	**36.6%**
Tài sản ngắn hạn	10,102	6,989	44.5%
Tiền và tương đương tiền	6.41	78.1	-91.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8,991	6,162	45.9%
Hàng tồn kho	1,103	731	50.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.94	16.9	-94.4%
Tài sản dài hạn	**1,511**	**1,513**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	1,500	1,500	0.0%
Tài sản cố định	6.20	6.35	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.47**	**5.61**	**-20.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,076	7,142	41.1%
Nợ ngắn hạn	**9,065**	**6,669**	**35.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,966	3,835	3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,090	1,067	2.2%
Nợ dài hạn	1,011	473	114%
Vay và nợ thuê dài hạn	145	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,537**	**1,360**	**13.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,537**	**1,360**	**13.1%**
Vốn điều lệ	850	850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)